

Các chỉ số HSX mới – Kết quả review bán niên chỉ số VNMITTECH & VN50 Growth

Võ Thị Nhật Minh
Trưởng phòng, Nghiên Cứu ETF
minh.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 365

- HSX vừa công bố kết quả review bán niên nửa cuối năm 2026 cho chỉ số VNMITTECH & chỉ số VN50 Growth, với mọi thay đổi có hiệu lực từ ngày 3/8/2026.
- Chỉ số VNMITTECH đã loại ra BMP, KSB, SCS và SZC, trong khi không thêm vào cổ phiếu nào. Chỉ số VN50 Growth thêm vào MCH, TCX, VPK và VPX, trong khi loại ra SBT, OCB, VPI và EVF.
- Do tổng tài sản quản lý của quỹ VinaCapital VNMITTECH ETF và VinaCapital VN50 Growth ETF còn tương đối nhỏ, HSC dự báo hoạt động tái cơ cấu danh mục sẽ có tác động hạn chế lên thị trường. Các quỹ này sẽ mua vào những cổ phiếu mới được thêm vào và bán ra toàn bộ các cổ phiếu bị loại.

Chỉ số VNMITTECH – Loại ra 4 cổ phiếu

Trong đợt review này, chỉ số VNMITTECH loại ra bốn cổ phiếu (Nhựa Bình Minh - BMP, Khoáng sản Bình Dương - KSB, Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn - SCS, và Sonadezi Châu Đức - SZC) và không thêm vào cổ phiếu nào. BMP và SCS bị loại vì có thanh khoản giảm xuống dưới mức 20 tỷ đồng/ngày, trong khi KSB và SZC bị loại do vốn hóa thị trường điều chỉnh theo tỷ lệ free-float giảm xuống dưới 1,5 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, không có cổ phiếu nào thuộc mảng Nguyên vật liệu (VNMAT), Công nghiệp (VNIND), hoặc Công nghệ thông tin (VNIT) đáp ứng cả hai tiêu chí về mức vốn hóa thị trường điều chỉnh theo tỷ lệ free-float tối thiểu 1,5 nghìn tỷ đồng và giá trị giao dịch bình quân hàng ngày 20 tỷ đồng, nên không có cổ phiếu mới nào được thêm vào giỏ chỉ số.

Chỉ số VN50 Growth – Thêm vào 4 cổ phiếu và loại ra 4 cổ phiếu

Trong đợt review này, Masan Consumer - MCH, CTCP Chứng khoán Kỹ thuật - TCX, CTCP Chứng khoán VPS - VCK, và CTCP Chứng khoán VPBank - VPX, tất cả đều là các cổ phiếu mới niêm yết trên sàn HSX trong vòng một năm qua, đã được thêm vào giỏ chỉ số VN50 Growth vì đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, với vốn hóa thị trường điều chỉnh theo tỷ lệ free-float trên 2 nghìn tỷ đồng (tất cả đều nằm trong top 30) và giá trị giao dịch bình quân hàng ngày vượt quá 20 tỷ đồng. Do chỉ số này duy trì số lượng 50 cổ phiếu thành phần, các cổ phiếu được thêm vào đã thay thế cho cổ phiếu của CTCP Tài chính Điện lực - EVF, Ngân hàng OCB - OCB, CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa - SBT, và CTCP Đầu tư Văn Phú - VPI, những cổ phiếu có vốn hóa thị trường nhỏ nhất trong nhóm cổ phiếu thành phần hiện tại.

Những cổ phiếu sẽ được mua/bán để tái cơ cấu danh mục

Trong giai đoạn tái cơ cấu danh mục, hai quỹ ETF lấy chỉ số VNMITTECH và VN50 Growth làm cơ sở được dự báo sẽ **mua vào** khoảng **9,1 nghìn cổ phiếu VCK, 6,8 nghìn cổ phiếu MCH, 6,2 nghìn cổ phiếu TCX, và 5,6 nghìn cổ phiếu VPX**, đồng thời **bán ra toàn bộ 15 nghìn cổ phiếu OCB, 14,8 nghìn cổ phiếu SBT, 10,1 nghìn cổ phiếu KSB, 10 nghìn cổ phiếu SZC, 9,8 nghìn cổ phiếu EVF, 4,9 nghìn cổ phiếu SCS, 4,8 nghìn cổ phiếu VPI, và 4,8 nghìn cổ phiếu BMP**. Ngoài ra, các quỹ dự kiến sẽ mua ròng một lượng đáng kể cổ phiếu VRE (khoảng 325,3 nghìn cổ phiếu) và bán ra 1 lượng đáng kể cổ phiếu SHB (xấp xỉ 1,2 triệu cổ phiếu). Ngày cuối cùng để các quỹ ETF thực hiện tái cơ cấu danh mục là ngày 31/7/2026.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 17/7.

Bảng 1: Công bố kết quả review bán niên chỉ số VNMITTECH & VN50 Growth Index

Chỉ số	Thêm vào	Loại ra
VNMITTECH		BMP, KSB, SCS, SZC
VN50 Growth	MCH, TCX, VCK, VPX	EVF, OCB, SBT, VPI

Nguồn: HSX, HSC

Kết quả review bán niên chỉ số MITECH và VN50 Growth – T7/2026

HSX vừa công bố kết quả review bán niên cho chỉ số VNMITTECH & chỉ số VN50 Growth nửa cuối năm 2026, với mọi thay đổi có hiệu lực từ ngày 3/8/2026. Chỉ số VNMITTECH đã loại ra BMP, KSB, SCS và SZC, trong khi không thêm vào cổ phiếu nào. Chỉ số VN50 Growth thêm vào MCH, TCX, VCK và VPX, trong khi loại ra OCB, EVF, SBT và VPI. Do tổng tài sản quản lý của quỹ VinaCapital VNMITTECH ETF và VinaCapital VN50 Growth ETF tương đối nhỏ, nên hoạt động tái cơ cấu danh mục không có tác động đáng kể lên thị trường.

Xem xét bán niên hai chỉ số mới

Chỉ số VNMITTECH

Chỉ số VNMITTECH (Vietnam Modern Industrials & Technology Index) được thiết kế để phản ánh hiệu suất của các công ty hoạt động trong ngành công nghiệp hiện đại và công nghệ.

Chỉ số này bao gồm 30–50 cổ phiếu thành phần được lựa chọn từ các chỉ số ngành Nguyên vật liệu (VNMMAT), Công nghiệp (VNIND) và Công nghệ thông tin (VNIT) – ba ngành then chốt hỗ trợ quá trình công nghiệp hóa và chuyển đổi số của Việt Nam.

VNMITTECH được kỳ vọng sẽ trở thành một chỉ số tham chiếu đầu tư quan trọng, giúp nhà đầu tư tiếp cận các ngành thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thu hút dòng vốn mạnh và nắm bắt tiềm năng của những doanh nghiệp đổi mới sáng tạo có khả năng tạo ra giá trị đột phá cho nền kinh tế số. Chỉ số này cũng được kỳ vọng sẽ hỗ trợ sự phát triển của các quỹ ETF tập trung vào ngành và chủ đề công nghệ.

Tương tự các chỉ số do HSX quản lý, chỉ số VNMITTECH áp dụng phương pháp vốn hóa thị trường điều chỉnh theo tỷ lệ free-float. Để đảm bảo tính cân bằng cho danh mục, tỷ trọng tối đa của mỗi cổ phiếu được giới hạn ở mức 15%, trong khi nhóm ngành Nguyên vật liệu có ngưỡng khống chế tỷ trọng là 25%.

Trong đợt review này, chỉ số VNMITTECH đã loại ra BMP, KSB, SCS và SZC, giảm số lượng cổ phiếu thành phần từ 36 xuống 32. BMP và SCS bị loại do giá trị giao dịch bình quân hàng ngày giảm xuống dưới tiêu chí thanh khoản tối thiểu 20 tỷ đồng/ngày, lần lượt ở mức 19,8 tỷ đồng/ngày và 14,7 tỷ đồng/ngày. Trong khi đó, KSB và SZC bị loại do vốn hóa thị trường điều chỉnh theo tỷ lệ free-float giảm xuống còn 1.175 tỷ đồng và 1.450 tỷ đồng, đều thấp hơn mức tối thiểu 1.500 tỷ đồng.

Năm cổ phiếu thành phần có tỷ trọng lớn nhất trong giỏ chỉ số VNMITTECH là HPG (15,1%), FPT (14,8%), VJC (10,8%), GMD (9,7%) và GEX (7%), đóng góp 57,3% tổng tỷ trọng của chỉ số.

Khối lượng mua bán dự kiến của các quỹ ETF – Việc tái cơ cấu danh mục của các quỹ ETF sẽ diễn ra từ nay cho đến ngày 31/7, và cơ cấu chỉ số mới sẽ chính thức có hiệu lực từ ngày 3/8. HSC dự báo quỹ VinaCapital VNMITTECH ETF (tổng tài sản quản lý: 46,2 tỷ đồng) sẽ bán ra toàn bộ cổ phiếu nắm giữ gồm 4,8 nghìn cổ phiếu BMP, 4,9 nghìn cổ phiếu SCS, 10 nghìn cổ phiếu SZC và 10 nghìn cổ phiếu KSB. Quỹ này cũng dự kiến sẽ mua vào khoảng 12,9 nghìn cổ phiếu HHV (CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả) trong khi bán ra khoảng 6,5 nghìn cổ phiếu VJC.

Bảng 2: Tiêu chí của chỉ số VNMITECH Index

Tiêu chí	Cổ phiếu mới (thêm vào)	Cổ phiếu hiện tại (loại ra)
Tình trạng	Không thuộc diện bị cảnh báo	Không thuộc diện bị cảnh báo
Thời gian niêm yết	6 tháng niêm yết trên HSX	
	3 tháng niêm yết trên HSX đối với Top 5 cổ phiếu vốn hóa lớn nhất	
Tỷ lệ Free float (FF)	$\geq 10\%$	$\geq 10\%$
	FF < 10% & vốn hóa_free float > 2.500 tỷ đồng	FF < 10% & vốn hóa_free float > 2.000 tỷ đồng
Vốn hóa_ff (tỷ đồng)	≥ 1.500 tỷ đồng. Ưu tiên cổ phiếu vốn hóa lớn	≥ 1.500 tỷ đồng
Giá trị khớp lệnh	≥ 20 tỷ đồng	≥ 20 tỷ đồng
Số lượng cổ phiếu	30 - 50	
Kỳ tái cơ cấu	Bán niên (T1, T7)	

Nguồn: HSX, HSC

Bảng 3: Danh mục cổ phiếu thành phần của VNMITECH Index

Loại ra BMP, KSB, SCS, SZC. Không thêm vào cổ phiếu nào

Stt	Mã CK	DN	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	Tỷ lệ Free float (%)	Giới hạn tỷ trọng theo thanh khoản (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
1	CII	Ho Chi Minh Infrastructure	671,985,291	95%	100%	88.83%
2	CMG	CMC Corporation	232,900,908	40%	100%	88.83%
3	CTD	COTECCONS construction	111,823,220	55%	100%	88.83%
4	CTR	Viettel Construction	128,112,184	35%	100%	88.83%
5	DCM	PetroVietnam Camau Fertilizer	529,400,000	25%	100%	100%
6	DGW	Digiworld Corp.	221,168,700	55%	100%	88.83%
7	DIG	DIC Corp	796,431,191	95%	100%	88.83%
8	DPG	Dat Phuong Group	118,587,096	55%	100%	88.83%
9	DPM	Petrovietnam Fertilizer and Chemicals	679,925,021	40%	100%	100%
10	FPT	FPT Corp	1,703,507,121	85%	100%	43.96%
11	GEE	GELEX Electricity	640,499,211	14%	100%	88.83%
12	GEX	Gelex Group JSC	1,308,471,358	70%	100%	88.83%
13	GMD	Gemadept Group	426,495,109	95%	100%	88.83%
14	GVR	Viet Nam Rubber Group	4,000,000,000	4%	100%	100%
15	HAH	Hai An Transport	188,340,401	60%	100%	88.83%
16	HDG	HA DO Construction	406,957,333	60%	100%	88.83%
17	HHV	Deo Ca Traffic Infrastructure Investment	574,524,610	85%	100%	88.83%
18	HPG	Hoa Phat Group	8,442,964,520	60%	100%	39.26%
19	HSG	Hoa Sen Group	807,262,704	70%	100%	100%
20	IJC	Becamex IJC	629,580,640	50%	100%	88.83%
21	LCG	LIZEN	206,602,129	95%	100%	88.83%
22	NKG	Nam Kim Steel	492,323,961	75%	100%	100%
23	PC1	PC1 Group	411,285,343	60%	100%	88.83%
24	PET	Petrovietnam General Services	154,747,089	70%	100%	88.83%
25	PHR	Phuoc Hoa rubber	135,499,198	35%	100%	100%
26	REE	Refrigeration Electrical Engineering	622,899,036	35%	100%	88.83%
27	TCH	Hoang Huy Investment Financial Services	912,109,224	60%	100%	88.83%
28	VCG	Vinaconex Group	698,185,802	55%	100%	88.83%
29	VGC	Viglacera Corporation	448,350,000	12%	100%	88.83%
30	VJC	Vietjet Air	769,092,961	35%	100%	88.83%
31	VSC	Vietnam Container Shipping	374,370,362	95%	100%	88.83%
32	VTP	Viettel Post	201,894,288	40%	100%	88.83%

Nguồn: HSX, HSC

Bảng 4: Ước tính số lượng cổ phiếu mua vào/bán ra của quỹ VinaCapital VNMITECH ETF

Mã CK	Tỷ trọng mới	Tỷ trọng hiện tại	Thay đổi	Số lượng cổ phiếu mua vào/bán ra
HHV	1.5%	1.2%	0.3%	12,994
DIG	2.9%	2.5%	0.3%	12,000
TCH	2.3%	2.0%	0.3%	10,636
VSC	1.6%	1.3%	0.3%	9,825
VCG	2.0%	1.7%	0.3%	9,005
CII	3.1%	2.8%	0.3%	8,777
GMD	9.7%	8.2%	1.5%	8,748
NKG	1.5%	1.3%	0.2%	8,172
HSG	2.2%	2.1%	0.2%	6,182
REE	3.0%	2.4%	0.6%	5,925
GEX	7.0%	6.7%	0.3%	5,523
PET	1.2%	0.8%	0.4%	5,305
IJC	0.8%	0.7%	0.1%	4,156
HDG	1.4%	1.2%	0.1%	3,371
CMG	0.7%	0.6%	0.2%	3,049
GEE	2.2%	1.7%	0.5%	2,814
DPM	2.2%	2.1%	0.1%	2,774
VGC	0.7%	0.5%	0.2%	2,556
LCG	0.5%	0.4%	0.0%	2,463
PHR	1.0%	0.7%	0.3%	2,447
DGW	1.4%	1.2%	0.2%	1,948
PC1	1.7%	1.6%	0.1%	1,726
HPG	15.1%	15.0%	0.1%	1,355
VTP	1.3%	1.1%	0.1%	1,325
GVR	1.7%	1.6%	0.0%	617
DCM	1.5%	1.4%	0.0%	602
HAH	1.6%	1.6%	0.1%	578
DPG	0.6%	0.7%	-0.1%	(1,221)
CTD	1.2%	1.4%	-0.2%	(1,374)
CTR	1.0%	1.5%	-0.6%	(3,825)
BMP	0.0%	1.6%	-1.6%	(4,885)
SCS	0.0%	0.5%	-0.5%	(4,901)
FPT	14.8%	15.6%	-0.9%	(5,783)
VJC	10.8%	12.7%	-1.9%	(6,582)
SZC	0.0%	0.4%	-0.4%	(10,093)
KSB	0.0%	0.3%	-0.3%	(10,122)
Tổng	100.0%	99.2%		

Nguồn: HSX, HSC ước tính

Chỉ số VN50 Growth

Chỉ số VN50 Growth (Vietnam Growth 50 Index) được thiết kế để theo dõi hiệu suất hoạt động của 50 cổ phiếu có vốn hóa lớn nhất trên sàn HSX, thể hiện tiềm năng tăng trưởng bền vững của các công ty dẫn đầu trong nhiều ngành nghề khác nhau.

Chỉ số được tính toán dựa trên phương pháp vốn hóa thị trường điều chỉnh theo tỷ lệ free-float, với tỷ trọng tối đa 10% cho mỗi cổ phiếu và 40% cho nhóm cổ phiếu cùng lĩnh vực. Điểm đặc trưng của chỉ số VN50 Growth nằm ở việc áp dụng hệ số điều chỉnh tỷ trọng dựa trên tốc độ tăng trưởng EPS trong quá khứ. Cơ chế này giúp tối ưu hóa danh mục bằng cách phân bổ tỷ trọng lớn hơn vào các doanh nghiệp sở hữu nền tảng tăng trưởng mạnh và bền vững. Phương pháp này giúp nhà đầu tư theo đuổi một chiến lược đầu tư tăng trưởng dài hạn có tính chọn lọc và hiệu quả hơn.

Trong đợt review này, TCX, MCH, VCK và VPX đã được thêm vào giỏ chỉ số VN50 Growth sau khi đáp ứng tất cả các tiêu chí và nằm trong nhóm cổ phiếu có vốn hóa thị trường điều chỉnh theo tỷ lệ free-float lớn nhất, lần lượt ở mức 18 nghìn tỷ đồng, 35,6 nghìn tỷ đồng và 11 nghìn tỷ đồng. Cả bốn cổ phiếu đều đáp ứng tiêu chí về thanh khoản của chỉ số với giá trị giao dịch bình quân hàng ngày trên 20 tỷ đồng, cùng với tỷ lệ free-float lần lượt là 15%, 30%, 25% và 20%. Trong khi đó, OCB, VPI, EVF và SBT bị loại do có vốn hóa thị trường điều chỉnh theo tỷ lệ free-float tương đối thấp.

Năm cổ phiếu thành phần có tỷ trọng lớn nhất trong giỏ chỉ số VN50 Growth là VIC (10,2%), VHM (10,2%), HPG (6,5%), FPT (5,1%) và MWG (4,9%), đóng góp 36,9% tổng tỷ trọng trong giỏ chỉ số.

Việc tái cơ cấu danh mục của các quỹ ETF sẽ diễn ra từ nay cho đến ngày 31/7/2026, trước khi thành phần mới của chỉ số có hiệu lực vào ngày 3/8/2026. HSC dự báo quỹ VinaCapital VN50 Growth ETF (tổng tài sản quản lý: 54 tỷ đồng) sẽ bán ra toàn bộ lượng cổ phiếu đang nắm giữ gồm 15 nghìn cổ phiếu OCB, 14,8 nghìn cổ phiếu SBT, 9,8 nghìn cổ phiếu EVF và 4,8 nghìn cổ phiếu VPI, đồng thời mua vào khoảng 9,1 nghìn cổ phiếu VCK, 6,8 nghìn cổ phiếu MCH, 6,2 nghìn cổ phiếu TCX và 5,6 nghìn cổ phiếu VPX. Ngoài ra, các quỹ dự kiến sẽ mua ròng một lượng lớn nhất cổ phiếu VRE (khoảng 325,3 nghìn cổ phiếu) và bán ròng một lượng lớn nhất cổ phiếu SHB (xấp xỉ 1,2 triệu cổ phiếu).

Lưu ý, biến động giá cổ phiếu và số lượng chứng chỉ quỹ từ nay đến khi kết thúc đợt tái cơ cấu danh mục có thể làm thay đổi tỷ trọng cũng như khối lượng mua bán dự kiến của từng cổ phiếu.

Đợt review chỉ số bán niên tiếp theo sẽ diễn ra vào tháng 1/2027.

Bảng 5: Tiêu chí của giỏ chỉ số VN50 Growth Index

Tiêu chí	Cổ phiếu mới (thêm vào)	Cổ phiếu hiện tại (loại ra)
Tình trạng	Không thuộc diện bị cảnh báo	Không thuộc diện bị cảnh báo
Thời gian niêm yết	6 tháng niêm yết trên HSX	
	3 tháng niêm yết trên HSX đối với Top 5 cổ phiếu vốn hóa lớn nhất	
Tỷ lệ Free float (FF)	$\geq 10\%$	$\geq 10\%$
	FF < 10% & vốn hóa_free float > 2.500 tỷ đồng	FF < 10% & vốn hóa_free float > 2.000 tỷ đồng
Vốn hóa_ff (tỷ đồng)	≥ 2.000 tỷ đồng. Ưu tiên cổ phiếu vốn hóa lớn	≥ 2.000 tỷ đồng. Ưu tiên cổ phiếu vốn hóa lớn
Giá trị khớp lệnh	≥ 20 tỷ đồng	≥ 20 tỷ đồng
Số lượng cổ phiếu	50	
Kỳ tái cơ cấu	Bán niên (T1, T7)	

Nguồn: HSX, HSC

Bảng 6: Thời gian review

Thời gian	Jan	Apr	Jul	Oct
Cập nhật tỷ lệ Free float, giới hạn tỷ trọng vốn hóa & tiêu chí khác		X		X
		Thứ 4 tuần thứ 3 của tháng 4 và tháng 10 hàng năm		
Review bán niên	X		X	
		Thứ 4 tuần thứ 3 của tháng 1 và tháng 7 hàng năm		

Nguồn: HSX, HSC

Bảng 7: Danh mục cổ phiếu thuộc VN50 Growth Index

Thêm vào MCH, TCX, VCK, VPX. Loại ra EVF, SBT, OCB, VPI

Stt	Mã CK	DN	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	Tỷ lệ Free float (%)	Giới hạn trọng số tăng trưởng (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
1	ACB	Asia Commercial Bank	5,804,421,957	85%	85%	56.40%
2	BID	BIDV	7,280,065,210	6%	95%	56.40%
3	CII	Ho Chi Minh Infrastructure	671,985,291	95%	100%	100%
4	CTG	VietinBank	7,766,944,637	15%	100%	56.40%
5	DIG	DIC Corp	796,431,191	95%	100%	100%
6	DXG	Bluemarq Group	1,268,104,965	80%	85%	100%
7	EIB	Eximbank	1,862,720,607	80%	85%	56.40%
8	FPT	FPT Corp	1,703,507,121	85%	90%	100%
9	FRT	FPT Retail	178,816,874	55%	100%	100%
10	GEX	Gelex Group JSC	1,308,471,358	70%	100%	100%
11	GMD	Gemadept Group	426,495,109	95%	100%	100%
12	HCM	HSC Securities	1,079,956,671	55%	85%	56.40%
13	HDB	HDBank	5,005,276,323	80%	95%	56.40%
14	HPG	Hoa Phat Group	8,442,964,520	60%	100%	100%
15	KBC	Kinh Bac Urban Development	941,754,759	65%	85%	100%
16	KDH	Khang Dien House	1,122,214,899	65%	85%	100%
17	LPB	LPBank	2,987,282,100	90%	100%	56.40%
18	MBB	MBBank	8,054,999,909	50%	85%	56.40%
19	MCH	Masan Consumer	1,294,493,545	20%	85%	100%
20	MSB	MSB Bank	3,120,000,000	70%	85%	56.40%
21	MSN	Masan Group	1,445,915,457	60%	100%	100%
22	MWG	Mobile World Investment	1,468,423,529	75%	100%	100%
23	NAB	Nam A Bank	2,058,822,282	80%	85%	56.40%
24	NLG	Nam Long Investment	485,097,383	80%	100%	100%
25	NVL	Novaland	2,402,067,972	55%	100%	100%
26	PDR	Phat Dat Real Estate	997,809,379	60%	85%	100%
27	PNJ	Phu Nhuan Jewelry	511,721,959	90%	100%	100%
28	REE	Refrigeration Electrical Engineering	622,899,036	35%	85%	100%
29	SHB	SHB	5,053,074,221	75%	90%	56.40%
30	SSB	SeABank	3,428,800,000	55%	85%	56.40%
31	SSI	SSI Securities	2,501,097,752	70%	100%	56.40%
32	STB	Sacombank	1,885,215,716	95%	100%	56.40%
33	TCB	Techcombank	7,086,240,414	55%	85%	56.40%
34	TCH	Hoang Huy Investment Financial Services	912,109,224	60%	100%	100%
35	TCX	TCBS Securities	2,773,896,803	15%	85%	56.40%
36	TPB	TPBank	2,774,046,873	55%	85%	56.40%
37	VCB	Vietcombank	8,355,675,094	11%	85%	56.40%
38	VCI	Vietcap Securities	1,147,631,925	75%	90%	56.40%
39	VCK	VPS Securities	2,434,919,704	25%	85%	56.40%
40	VHM	Vinhomes	4,107,412,004	30%	100%	99.95%
41	VIB	VIBBank	3,404,005,710	55%	85%	56.40%
42	VIC	VinGroup	7,706,031,024	30%	100%	34.25%
43	VIX	VIX Securities	2,450,287,772	100%	100%	56.40%
44	VJC	Vietjet Air	769,092,961	35%	100%	100%
45	VND	VNDIRECT	1,522,299,908	75%	100%	56.40%
46	VNM	Vinamilk	2,089,955,445	40%	85%	100%
47	VPB	VPBank	7,933,923,601	55%	100%	56.40%
48	VPL	Vinpearl	1,793,300,377	15%	85%	100%
49	VPX	VPBank Securities	1,875,000,000	20%	85%	56.40%
50	VRE	Vincom Retail	2,272,318,410	40%	100%	100%

Nguồn: HSX, HSC

Bảng 8: Ước tính số lượng cổ phiếu mua vào/bán ra của quỹ VinaCapital VN50 Growth Index

Mã CK	Tỷ trọng mới	Tỷ trọng hiện tại	Thay đổi	Số lượng cổ phiếu mua vào/bán ra
VRE	1.3%	0.1%	1.2%	25,392
HPG	6.5%	5.9%	0.6%	15,522
VCK	0.5%	0.0%	0.5%	9,122
MCH	1.8%	0.0%	1.8%	6,879
TCX	0.5%	0.0%	0.5%	6,235
VPX	0.3%	0.0%	0.3%	5,619
CII	0.6%	0.4%	0.2%	5,100
DIG	0.5%	0.5%	0.1%	4,127
VHM	10.2%	9.1%	1.1%	4,001
GEX	1.3%	1.2%	0.2%	3,913
SSB	0.8%	0.7%	0.1%	3,615
GMD	1.9%	1.4%	0.4%	2,819
VNM	2.3%	2.1%	0.3%	2,508
MSN	3.4%	3.1%	0.3%	2,493
NLG	0.6%	0.5%	0.1%	2,329
TCH	0.4%	0.4%	0.1%	2,233
VPL	1.1%	0.8%	0.3%	2,201
NVL	1.0%	0.9%	0.0%	2,012
KBC	0.9%	0.8%	0.1%	1,429
SSI	1.4%	1.4%	0.1%	1,265
PDR	0.4%	0.4%	0.0%	1,211
REE	0.5%	0.4%	0.1%	845
VND	0.7%	0.6%	0.0%	542
VIC	10.2%	10.2%	0.0%	116
MWG	4.9%	4.9%	0.0%	(83)
NAB	0.6%	0.6%	0.0%	(153)
KDH	0.7%	0.7%	0.0%	(235)
PNJ	1.1%	1.1%	0.0%	(396)
HCM	0.4%	0.5%	0.0%	(861)
VIX	1.1%	1.2%	0.0%	(1,014)
VCB	1.5%	1.6%	-0.1%	(1,049)
VCI	0.6%	0.6%	0.0%	(1,176)
VJC	2.1%	2.4%	-0.4%	(1,451)
MSB	1.0%	1.0%	0.0%	(1,631)
TPB	0.7%	0.7%	0.0%	(1,689)
FRT	0.6%	1.0%	-0.4%	(1,871)
FPT	5.1%	5.4%	-0.3%	(2,000)
EIB	0.8%	0.9%	-0.1%	(2,338)
BID	0.5%	0.7%	-0.2%	(2,580)
DXG	0.6%	0.7%	-0.1%	(2,710)
STB	4.2%	4.6%	-0.4%	(2,957)
MBB	2.7%	2.9%	-0.2%	(3,616)
CTG	1.2%	1.5%	-0.2%	(4,043)
VPI	0.0%	0.6%	-0.6%	(4,887)
ACB	3.3%	3.5%	-0.2%	(4,986)
TCB	3.4%	3.8%	-0.3%	(5,602)
VIB	0.8%	1.0%	-0.2%	(6,556)
VPB	3.7%	4.0%	-0.3%	(6,794)
LPB	4.6%	5.2%	-0.7%	(6,825)
HDB	3.4%	3.7%	-0.3%	(6,946)
SHB	1.4%	1.6%	-0.2%	(8,770)
EVF	0.0%	0.2%	-0.2%	(9,821)
SBT	0.0%	0.6%	-0.6%	(14,883)
OCB	0.0%	0.3%	-0.3%	(15,004)
Total	100.0%	98.1%		

Nguồn: HSX, HSC ước tính

Bảng 9: Ước tính số lượng cổ phiếu mua vào/bán ra của 2 quỹ ETF - VinaCapital VNMITECH & VinaCapital VN50 Growth ETFs

Mã CK	VinaCapital MITECH ETF	VinaCapital VN50 Growth ETF	Tổng số lượng cổ phiếu mua vào/bán ra
OCB		(15,004)	(15,004)
SBT		(14,883)	(14,883)
KSB	(10,122)		(10,122)
SZC	(10,093)		(10,093)
EVF		(9,821)	(9,821)
SHB		(8,770)	(8,770)
VJC	(6,582)	(1,451)	(8,033)
FPT	(5,783)	(2,000)	(7,784)
HDB		(6,946)	(6,946)
LPB		(6,825)	(6,825)
VPB		(6,794)	(6,794)
VIB		(6,556)	(6,556)
TCB		(5,602)	(5,602)
ACB		(4,986)	(4,986)
SCS	(4,901)		(4,901)
VPI		(4,887)	(4,887)
BMP	(4,885)		(4,885)
CTG		(4,043)	(4,043)
CTR	(3,825)		(3,825)
MBB		(3,616)	(3,616)
STB		(2,957)	(2,957)
DXG		(2,710)	(2,710)
BID		(2,580)	(2,580)
EIB		(2,338)	(2,338)
FRT		(1,871)	(1,871)
TPB		(1,689)	(1,689)
MSB		(1,631)	(1,631)
CTD	(1,374)		(1,374)
DPG	(1,221)		(1,221)
VCI		(1,176)	(1,176)
VCB		(1,049)	(1,049)
VIX		(1,014)	(1,014)
HCM		(861)	(861)
PNJ		(396)	(396)
KDH		(235)	(235)
NAB		(153)	(153)
MWG		(83)	(83)
VIC		116	116
VND		542	542
HAH	578		578
DCM	602		602
GVR	617		617
PDR		1,211	1,211
SSI		1,265	1,265
VTP	1,325		1,325
KBC		1,429	1,429
PC1	1,726		1,726
DGW	1,948		1,948
NVL		2,012	2,012
VPL		2,201	2,201
NLG		2,329	2,329
PHR	2,447		2,447
LCG	2,463		2,463
MSN		2,493	2,493
VNM		2,508	2,508
VGC	2,556		2,556
DPM	2,774		2,774
GEE	2,814		2,814
CMG	3,049		3,049

HDG	3,371		3,371
SSB		3,615	3,615
VHM		4,001	4,001
IJC	4,156		4,156
PET	5,305		5,305
VPX		5,619	5,619
HSG	6,182		6,182
TCX		6,235	6,235
REE	5,925	845	6,770
MCH		6,879	6,879
NKG	8,172		8,172
VCG	9,005		9,005
VCK		9,122	9,122
GEX	5,523	3,913	9,436
VSC	9,825		9,825
GMD	8,748	2,819	11,567
TCH	10,636	2,233	12,869
HHV	12,994		12,994
CII	8,777	5,100	13,878
DIG	12,000	4,127	16,126
HPG	1,355	15,522	16,877
VRE		25,392	25,392

Nguồn: HSC Ước tính

Bảng 10: Các cổ phiếu niêm yết được đề cập trong báo cáo này

Mã CK	Ngành*	Giá (đồng)	Vốn hóa (triệu USD)	Khuyến nghị	Giá mục tiêu (đồng)
VIC	Đa ngành	220,000	31,552	Không k/n	-
VHM	Phát triển BĐS	140,500	21,982	Tăng tỷ trọng	157,000
VCB	Ngân hàng	58,500	18,619	Mua vào	75,600
BID	Ngân hàng	38,800	10,377	Tăng tỷ trọng	46,500
CTG	Ngân hàng	32,000	9,467	Mua vào	48,300
TCB	Ngân hàng	31,450	8,489	Mua vào	44,500
VPB	Ngân hàng	25,850	7,812	Mua vào	36,800
MBB	Ngân hàng	23,750	7,287	Mua vào	31,800
HPG	Vật liệu – Kim loại công nghiệp	21,850	7,027	Mua vào	37,300
MCH	Hàng tiêu dùng thiết yếu – TP&ĐU, Thuốc lá	138,900	6,849	Nắm giữ	133,200
LPB	Ngân hàng	52,900	6,019	Bán ra	24,900
STB	Ngân hàng	73,500	5,278	Giảm tỷ trọng	61,000
ACB	Ngân hàng	23,550	5,207	Mua vào	28,850
HDB	Ngân hàng	27,250	5,195	Mua vào	33,000
VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu – TP&ĐU, Thuốc lá	59,000	4,697	Tăng tỷ trọng	70,600
TCX	Chứng khoán	43,100	4,554	Mua vào	52,900
FPT	CNTT	67,000	4,347	Mua vào	94,200
MWG	Hàng tiêu dùng không thiết yếu – Bán lẻ	76,700	4,290	Mua vào	109,500
VJC	Vận tải	131,300	3,849	Bán ra	92,077
MSN	Hàng tiêu dùng thiết yếu – TP&ĐU, Thuốc lá	68,000	3,745	Mua vào	114,200
SSI	Chứng khoán	24,250	2,303	Mua vào	33,000
VRE	Phát triển BĐS	24,550	2,125	Mua vào	40,600
MSB	Ngân hàng	16,350	2,120	Nắm giữ	16,200
VIB	Ngân hàng	15,400	1,997	Mua vào	20,000
TPB	Ngân hàng	15,200	1,606	Mua vào	19,800
OCB	Ngân hàng	10,950	1,277	Tăng tỷ trọng	12,783
GMD	Vận tải	77,500	1,240	Mua vào	94,000
NVL	Phát triển BĐS	12,650	1,156	Tăng tỷ trọng	16,744
REE	Dịch vụ tiện ích - Điện	46,250	1,097	Mua vào	68,783
VND	Chứng khoán	17,850	1,035	Nắm giữ	16,900
KBC	Phát triển BĐS	28,050	1,006	Tăng tỷ trọng	35,000
VCI	Chứng khoán	21,250	898	Mua vào	31,100
PNJ	Hàng tiêu dùng không thiết yếu – Bán lẻ	43,000	838	Giảm tỷ trọng	46,700
KDH	Phát triển BĐS	18,450	789	Mua vào	32,300
FRT	Hàng tiêu dùng không thiết yếu – Bán lẻ	111,800	761	Mua vào	168,095
VGC	Phát triển BĐS	41,350	706	Tăng tỷ trọng	50,500
DCM	Vật liệu – Hóa chất	31,700	639	Mua vào	49,600
DPM	Vật liệu – Hóa chất	23,500	609	Mua vào	32,400
DXG	Phát triển BĐS	12,200	589	Mua vào	16,667
PDR	Phát triển BĐS	13,450	502	Tăng tỷ trọng	19,200
BMP	Tư liệu sản xuất	151,600	473	Tăng tỷ trọng	153,000
NLG	Phát triển BĐS	24,850	459	Mua vào	39,700
VTP	Vận tải	50,000	387	Tăng tỷ trọng	63,224
HSG	Vật liệu – Kim loại công nghiệp	11,300	347	Giảm tỷ trọng	11,200
PC1	Dịch vụ tiện ích - Điện	21,800	342	Not Rated	-
CTR	Viễn thông	69,500	339	Tăng tỷ trọng	85,179
DGW	Hàng tiêu dùng không thiết yếu – Bán lẻ	37,400	315	Mua vào	59,000
PHR	Phát triển BĐS	60,900	314	Mua vào	86,000
CTD	Xây dựng	63,500	254	Mua vào	104,762
NKG	Vật liệu – Kim loại công nghiệp	11,150	209	Giảm tỷ trọng	11,455
SCS	Vận tải	48,200	174	Tăng tỷ trọng	57,000

Ghi chú: *theo phân loại của HSC
Nguồn: HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP.HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn